**Ngày soạn: ....../...../.....**

**Ngày dạy: ....../...../......**

**BÀI 2. GÕ CỬA TRÁI TIM**

**TIẾT .....: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nêu được tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Nhận biết, bước đầu nhận xét, phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua hình thức nghệ thuật.

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào các VB được học.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV tổ chức hoạt động**: **ÂM NHẠC QUANH TA?**

- GV chia lớp thành 3 nhóm, mỗi thành viên trong nhóm lần lượt viết tên đáp án lên bảng.

- **Yêu cầu**: Liệt kê tên các bài hát về chủ đề gia đình

- **Thời gian:** 5 phút.

🡪 **Gợi ý:** Gia đình nhỏ, hạnh phúc to; nhật kí của mẹ, ước mơ của mẹ; Cha già rồi đúng không; Cha kể con nghe, Mẹ yêu…

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**- GV dẫn dắt vào bài mới:** ……………………

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được chủ đề và thể loại chính của bài học

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  + Gv yêu cầu học sinh đọc đoạn giới thiệu bài học cùng với câu hỏi:  + Phần giới thiệu bài học muốn nói với chúng ta điều gì?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  - GV lắng nghe, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh | **I. GIỚI THIỆU BÀI HỌC**  **- Chủ đề bài học**: GÕ CỬA TRÁI TIM  🡪 Mỗi người có một trái tim biết cảm nhận, biết yêu thương. Mỗi trái tim như một ngôi nhà nhỏ. Cốt lõi của thơ ca là mạch nguồn cảm xúc. Những cảm xúc chân thành từ những vần thơ sẽ “gõ cửa trái tim” mỗi người, đánh thức trong ta những yêu thương để ta biết trân trọng cuộc sống nhiều hơn.  - **Thể loại chính**: thơ, truyện ngắn |

**Hoạt động 2: Khám phá tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** Nắm được một số đặc điểm của thơ, yếu tố miêu tả, tự sự trong thơ

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK và tìm hiểu về một số đặc điểm của thơ và yếu tố tự tự, miêu tả trong thơ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận trả lời các câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV chốt và mở rộng kiến thức. | **II. TRI THỨC NGỮ VĂN**  **1. Một số đặc điểm của thơ**  - Mỗi bài thơ thường được sáng tác theo một **thể thơ** nhất định, với những đặc điểm riêng về **số tiếng** mỗi dòng, **số dòng** mỗi bài.  - Ngôn ngữ thơ cô đọng hàm súc, **giàu nhạc điệu giàu hình ảnh**, sử dụng nhiều **biện pháp tu từ** (so sánh, ẩn dụ, điệp ngữ...)  - Nội dung chủ yếu của thơ là thể hiện **tình cảm, cảm xúc** của nhà thơ trước cuộc sống. Thơ có thể có yếu tố **miêu tả và tự sự**.  **2. Yếu tố miêu tả, tự sự trong thơ**  - Yếu tố **tự sự:** câu chuyện, sự việc được kể.  - Yếu tố **miêu tả:** tái hiện các đặc điểm, tính chất của sự việc  **🡪 Trong thơ, các yếu tố tự sự, miêu tả chỉ là phươn tiện để nhà thơ bộc lộ tình cảm, cảm xúc** |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

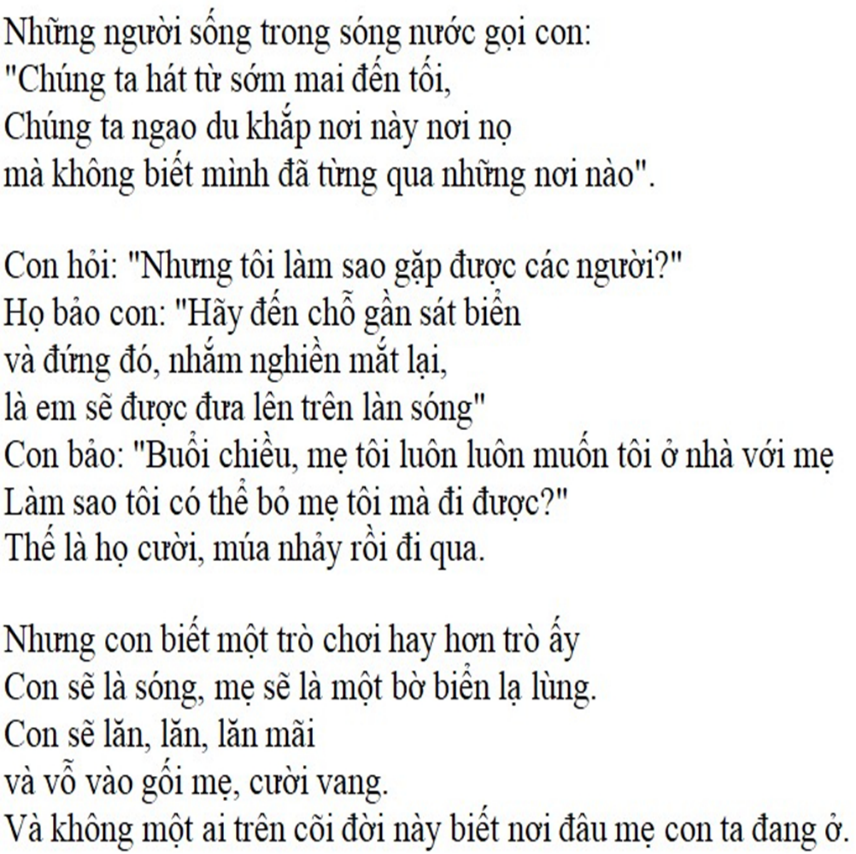
**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- **GV giao nhiệm vụ:** Nhận diện 2 ngữ liệu A và B đâu là thơ. Dấu hiệu nhận biết đó là bài thơ.

**Ngữ liệu A**



**Ngữ liệu B**

Em gái tôi tên là Kiều Phương, nhưng tôi quen gọi nó là Mèo bởi vì mặt nó luôn bị chính nó bôi bẩn. Nó vui vẻ chấp nhận cái tên tôi tặng cho và hơn thế, còn dùng để xưng hô với bạn bè. Mèo rất hay lục lọi các đồ vật với một sự thích thú đến khó chịu.

- Này, em không để chúng nó yên được à?

Nó vênh mặt:

- Mèo mà lại! Em không phá là được…

Một hôm, tôi bắt gặp nó nhào một thứ bột gì đó đen sì, trông rất sợ, thỉnh thoảng lại bôi ra cổ tay. Trời ạ, thì ra nó chế thuốc vẽ. Thảo nào các đít xoong chảo bị nó cạo trắng cả. Tôi quyết định bí mật theo dõi em gái tôi.

🡺 Gợi ý: A là bài thơ

**- Dấu hiệu nhận biết:**

+ Dòng thơ gồm các tiếng được xếp thành hàng

+ Ngôn ngữ thơ hàm xúc, giàu nhạc điệu, hình ảnh

+ Có vần, nhịp, có sử dụng các yếu tố miêu tả, tự sự

**- Bài thơ được viết theo thể thơ:** tự do

+ Không có quy tắc về số câu, số chữ

+ Số chữ trong một dòng, số câu trong một khổ không theo quy tắc

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- **GV giao nhiệm vụ cho HS**:

+ Em hãy đọc một bài thơ mà em yêu thích. Dựa trên đặc điểm của thơ, em hãy chỉ ra các yếu tố cơ bản như: thể thơ, ngôn ngữ, vần, nhịp, nhân vật trữ tình, yếu tố miêu tả tự sự, các biệp pháp tu từ chủ yếu của bài thơ đó?

+ Những yếu tố đó giúp em xác định được bài thơ viết về nội dung gì?

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Ngày soạn: ....../...../.....**

**Ngày dạy: ....../...../......**

**TIẾT.....: CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ LOÀI NGƯỜI**

*Xuân Quỳnh*

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Xác định được chủ đề của bài thơ

- Nhận biết được số tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong bài, vần của bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*

- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng của thể loại thơ: thể thơ; ngôn ngữ trong thơ; nội dung chủ yếu của thơ; yếu tố miêu tả, tự sự trong thơ, v.v…

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua yếu tố tự sự mang màu sắc cổ tích suy nguyên, những từ ngữ, hình ảnh , biện pháp tu từ độc đáo.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v…

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Chuyện cổ tích về loài người*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Chuyện cổ tích về loài người*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Hình thành và phát triển ở HS những phẩm chất tốt đẹp: tình cảm, trách nhiệm với những người thân yêu trong gia đình.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV yêu cầu HS:**

1. Nêu tên một truyện kể về nguồn gốc loài người trong kho tàng Văn học dân gian Việt Nam hoặc Văn học nước ngoài mà em biết. Trong truyện kể đó, sự ra đời của loài người có điều gì kì lạ?

2. Đọc một bài thơ hoặc đoạn thơ về tình cảm gia đình mà em biết

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *Chuyện cổ tích về loài người lí giải về nguồn gốc của con người, nhưng liệu có giống với các câu chuyện dân gian không? Với Xuân Quỳnh, một nhà thơ tiêu biểu của nền thơ ca hiện đại, nhà thơ đã giải thích nguồn gốc của con người bằng một lối tư duy giàu hình tượng. Nhà thơ mượn lời tâm tình từ trái tim của người mẹ, để lí giải về nguồn gốc của loài người một cách rất độc đáo, rất thơ! Bài học hôm nay, cô sẽ cùng các em bước vào khám phá bài thơ để hiểu thêm về những giá trị mới nhé!*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: đọc- chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV gọi 2 HS đọc và HS dưới lớp nhận xét dựa trên Bảng kiểm kĩ năng đọc diễn cảm thơ**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **có** | **không** | | Đọc trôi chảy, không bỏ từ, thêm từ |  |  | | Ngắt giọng phù hợp |  |  | | Giọng đọc chậm rãi, nhẹ nhàng |  |  | | Có biểu cảm, nhấn giọng phù hợp |  |  |   - GV giải thích một số từ khó.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS theo dõi sgk  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá  **Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - **GV yêu cầu HS**: Đọc phần tiểu dẫn SGK, nêu hiểu biết của mình về tác giả Xuân Quỳnh và xuất xứ của bài thơ “Chuyện cổ tích về loài người”  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **I. Đọc- Tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả:** Xuân Quỳnh  - **Tên khai sinh**: Nguyễn Thị Xuân Quỳnh. (1942-1988)  - **Quê** : La Khê, Hà Đông, Hà Nội.  - **Phong cách sáng tác**: giản dị, trong trẻo, đầy tình yêu thương khi viết về đề tài thiếu nhi  - **Sáng tác tiêu biểu**: *Lời ru trên mặt đất, Bầu trời trong quả trứng, Sóng, Bến tàu trong thành phố*  **b. Tác phẩm**  **- Xuất xứ**: In trong tập thơ: **Lời ru trên mặt đất**, 1978 |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Phân tích được:

- Đặc trưng của bài thơ khi có yếu tố miêu tả, tự sự

- Sự biến đổi của thế giới sau khi trẻ con ra đời trong sự tưởng tượng của nhà thơ.

- Sự xuất hiện của người lớn và vai trò của họ với trẻ em

- Thông điệp của bài thơ.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV áp dụng kĩ thuật CẶP ĐÔI CHIA SẺ**  - Thảo luận nhóm đôi và hoàn thành Phiếu học tập.  - **Thời gian**: 5 phút    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm đôi và thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **1. Đặc trưng của bài thơ khi có yếu tố miêu tả, tự sự**   |  |  | | --- | --- | | **Nhan đề** | Giúp người đọc liên tưởng đến những câu chuyện về sự xuất hiện của loài người trong vũ trụ, giải thích nguồn gốc của loài người mang màu sắc hoang đường, kì ảo. | | **Thể thơ** | Năm chữ | | **Vần, nhịp** | Chủ yếu gieo vần chân/ Nhịp 2/3 – 3/2 | | **PTBĐ** | Biểu cảm kết hợp tự sự, miêu tả | | **Nhân vật** | Trẻ con, mẹ, bà, bố, thầy giáo. | | **Bố cục** | **- Khổ 1**: thế giới trước khi trẻ con ra đời  **- Khổ 2**: những thay đổi của thiên nhiên khi trẻ con sinh ra  **- Khổ 3**: Sự xuất hiện của mẹ để cho trẻ tình yêu và lời ru  **- Khổ 4**: sự xuất hiện của bà để kể cho trẻ những câu chuyện cổ tích.  **- Khổ 5**: sự xuất hiện của bố và tình yêu thương của bố để cho trẻ có nhận thức về thế giới.  **- Khổ 6:** sự xuất hiện của trường lớp và thầy giáo để cho trẻ được đi học và có kiến thức. | | **Yếu tố tự sự, miêu tả** | **- Yếu tố tự sự**: câu chuyện về sự hình thành của loài người được kể một cách độc đáo với sự xuất hiện của các nhân vật.  **- Yếu tố miêu tả**: miêu tả hình ảnh của thế giới tự nhiên, hình ảnh trong lời ru của mẹ, lời kể của bà, lời dạy của bố… | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV yêu cầu hs** tìm hiểu sự khác biệt của thế giới trước và sau khi trẻ em ra đời. (hình ảnh, âm thanh, màu sắc 🡪 nhận xét)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Sự biến đổi của thế giới sau khi trẻ con ra đời trong sự tưởng tượng của nhà thơ.**  **a. Thế giới trước khi trẻ em ra đời**  - Khung cảnh thuở sơ khai, tối tăm, tẻ nhạt: trụi trần  + Không cây, không cỏ  + Chưa có mặt trời, chỉ có bóng đêm  + Chưa có màu sắc  - BPTT: **Điệp ngữ, liệt kê, từ phủ định**: “không, chưa, chẳng”  🡪 Lí giải nguồn gốc loài người thú vị, độc đáo  **b. Thế giới sau khi trẻ em ra đời**  **- Hình ảnh**: Mặt trời, con đường, cỏ cây, bông hoa, ngọn gió, sóng, sông, biển, cá tôm...  **- Màu sắc**: màu xanh của cây cỏ, màu đỏ của hoa,...  **- Âm thanh**: tiếng chim hót, tiếng gió..  **- Ánh sáng**: mặt trời  🡪 Một thế giới sinh động, rực rỡ, tươi đẹp  🡪 BPNT: so sánh, liệt kê, điệp từ, nhân hóa 🡪 Các sự vật, hình ảnh thiên nhiên dần hiện ra để nâng đỡ, nuôi dưỡng trẻ con trưởng thành |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chia lớp thành 4 nhóm và tổ chức kĩ thuật **DẠY HỌC THEO TRẠM**  **+ Trạm 1:** Sự xuất hiện của người mẹ  **+ Trạm 2:** Sự xuất hiện của người bà  **+ Trạm 3:** Sự xuất hiện của người bố  **+ Trạm 4:** Sự xuất hiện của thầy giáo và nhà trường  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS thảo luận nhóm và báo cáo sản phẩm nhóm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **3. Sự xuất hiện của người lớn và vai trò của họ với trẻ em**  **a. Sự xuất hiện của người mẹ**  **Mang đến tình yêu và lời ru**  + Bế bồng, chăm sóc  + Tiếng hát  🡪 Lời nhắn nhủ ân cần về cách sống đep: biết yêu thương chia sẻ, nhân ái, thủy chung.  **🡺 Là dòng sữa mát lành nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ**  **b. Sự xuất hiện của người bà**  - Kể cho cháu nghe về những câu chuyện ngày xưa, ngày sau  🡺 Những câu chuyện cổ tích mang đến cho trẻ thơ bài học về triết lí sống nhân hậu, những bài học đạo đức; là suối nguồn trong trẻo nuôi dưỡng, bồi đắp tâm hồn trẻ thơ.  **c. Sự xuất hiện của người bố**  **- Mang đến cho trẻ hiểu biết**  + Biết ngoan  + Biết nghĩ  + Biết yêu thương  **🡺 Giúp trẻ trưởng thành về trí tuệ**  **d. Sự xuất hiện của thầy giáo và nhà trường**  **- Liệt kê:** chữ, bàn, ghế, lớp, trường, thầy giáo, bảng, phấn  🡺 Những hình ảnh thân thương, bình dị, mang đến bài học tri thức, nuôi dưỡng ước mơ  🡪 Kết cấu đầu cuối tương ứng “Chuyện loài người” |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn**: Theo em, thông điệp nào được tác giả Xuân Quỳnh gửi gắm qua bài thơ?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **4. Thông điệp của bài thơ.**  - **Đối với trẻ em:** yêu thương người thân trong gia đình  - **Đối với bậc cha mẹ:** yêu thương, chăm sóc, dành những điều tốt đẹp nhất cho trẻ  - **Đối với nhà trường:** giáo dục tốt, quan tâm đến trẻ |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài và rút ra cách đọc bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Thể thơ 5 chữ  - Dùng yếu tố tự sự kết hợp miêu tả  - Ngôn ngữ, hình ảnh thơ thân thuộc, bình dị, yếu tố hoang đường, kì ảo.  - Sử dụng nhiều BPTT: so sánh, nhân hóa, điệp ngữ ...  **2. Nội dung**  - Từ những lí giải về nguồn gốc loài người, nhà thơ nhắc nhở mọi người cần yêu thương, sự chăm sóc, chở che, nuôi dưỡng trẻ em cả về thể xác và tâm hồn.  - Bài thơ thể hiện tình yêu thương trẻ thơ, tấm lòng nhân hậu yêu thương con người của nhà thơ.  **3. Cách đọc bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả**  - Nhận biết một số yếu tố nổi bật của bài thơ  - Hiểu bài thơ là lời của ai, nói về ai, về điều gì, nói bằng cách nào, cách nói ấy có gì độc đáo, đáng nhớ.  - Chỉ ra tình cảm, cảm xúc của người viết và những tác động của chúng đến suy nghĩ và tình cảm của người đọc.  - Nhận biết các yếu tố tự sự, miêu tả và chỉ ra tác dụng của các yếu tố ấy. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV tổ chức trò chơi “ĐÀO VÀNG”**

**1. Trẻ con sinh ra mắt sang những chưa nhìn thấy, bởi vậy mới sinh ra thứ gì?**

A. Mặt trăng

B. Bóng điện

**C. Mặt trời**

D. Vì sao

**2. Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng trong câu thơ “Những làn gió thơ ngây”?**

A. So sánh

**B. Nhân hóa**

   C. Liệt kê

   D. Nói quá

**3. Trong “Chuyện cổ tích về loài người”, ai là người được sinh ra đầu tiên?**

1. Thầy giáo
2. **Trẻ con**
3. Cha
4. Mẹ

**4. Bố sinh ra để giúp trẻ em có được điều gì?**

**A. Để dạy cho trẻ em hiểu biết: biết ngoan và biết nghĩ**

   B. Khiến bé nhìn thấy rõ mặt trời

   C. Dạy cho bé kiến thức trong sách vở

   D. Trao tình yêu và lời ru

**5. Trẻ con sinh ra, tại sao cần phải có ngay người mẹ?**

A. Để trao tình yêu và lời ra cho bé

   B. Để dạy cho bé những kiến thức ở trường

   C. Để dạy bé ngoan và biết nghĩ

**D. Cả A, B, C đều đúng**

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV giao nhiệm vụ:** Viết một đoạn văn 5 đến 7 câu, nêu cảm nhận của em về một đoạn thơ trong bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người* mà em yêu thích.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Ngày soạn: ....../...../.....**

**Ngày dạy: ....../...../......**

**TIẾT.....: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết và phân tích được vẻ đẹp của ngôn ngữ thơ

- Nhận diện và phân tích được tác dụng của các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực nhận diện và phân tích các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ.

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV giao nhiệm vụ:**Trong bài thơ “Chuyện cổ tích về loài người”, nhà thơ Xuân Quỳnh đã sử dụng rất thành công nhiều biện pháp tu từ. Em hãy đọc những câu thơ có sử dụng BPTT và gọi tên BPTT đó

**GV dẫn dắt vào bài học mới***: .......*

**Hoạt động 2: Củng cố kiến thức**

**a. Mục tiêu:** Ôn lại kiến thức về nghĩa của từ ngữ và một số BPTT so sánh, nhân hóa, điệp ngữ

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - **GV yêu cầu HS:** nhắc lại kiến thức về nghĩa của từ ngữ và một số BPTT so sánh, nhân hóa, điệp ngữ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Củng cố kiến thức**  **1. Nghĩa của từ ngữ**  **- Có thể giải thích nghĩa của từ bằng hai cách chính:**  + Trình bày khái niệm mà từ biểu thị  + Đưa ra những từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa vơi từ cần giải thích  **- Phương tiện để giải thích nghĩa của từ:**  + Từ điển  + Đoán nghĩa của từ dựa vào câu, đoạn văn mà từ đó xuất hiện  2. Biện pháp tu từ  **So sánh**  Đối chiếu sự vật hiện tượng này - sự vật hiện tượng khác dựa trên nét tương đồng, để làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt.  **Nhân hóa**  Là biện pháp tu từ gán thuộc tính của người cho những sự vật không phải là người 🡪 tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt.  **Điệp ngữ**  Là phép tu từ lặp đi, lặp lại một từ (đôi khi là một cụm từ, hoặc cả một câu) 🡪 làm nổi bật ý muốn nhấn mạnh. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập 1  - GV chia 3 nhóm hoàn thành bài tập 3,4,5  **+ Nhóm 1**: bài 3  **+ Nhóm 2**: bài 4  + **Nhóm 3:** bài 5  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài tập 1**  a. Theo từ điển Tiếng Việt, **nhô:** là động từ có nghĩa là đưa phần đầu cho vượt hẳn lên phía trước hoặc ra phía trước, so với những cái xung quanh.  - Mặt trời chuyển động lên cao trên bầu trời và có phần đột ngột, vượt lên sự vật xung quanh: núi non, cây cỏ  - Tính biểu cảm, gợi lên vẻ tinh nghịch, đáng yêu của hình ảnh mặt trời, phù hợp với cách nhìn nhận của trẻ thơ  b. - **Lên**: chuyển đến một vị trí cao hơn.  - **Nhô**: đưa phần đầu vượt hẳn lên phía trên  hoặc ra phía trước so với những cái xung quanh  🡪 Sự tinh tế trong cách dùng từ sao cho giàu sức gợi và phù hợp với cách nhìn, cách cảm của trẻ thơ  🡺 Không thể thay thế  **Bài tập 3**  + Hình ảnh thiên nhiên: *cây, lá cỏ, cái hoa* (vế A) được so sánh với *gang tay, sợi tóc, cái cúc* (vế B)- những hình ảnh nhỏ xinh, gắn với thế giới con người.  + Tiếng chim hót – âm thanh được so sánh với nước, mây trời giúp người đọc cảm nhận được một cách cụ thể sự trong trẻo và cao vút của tiếng chim.  🡺 Thiên nhiên như nhỏ lại, gần gũi, dễ thương trong đôi mắt trẻ thơ.  **Bài tập 4**  **- BPTT nhân hóa**: Nhà thơ dùng từ ***thơ ngây*** - thường dùng để nói về ***đặc điểm của con người***, đặc biệt là trẻ em, để nói ***gió***.  🡺 Biện pháp tu từ nhân hóa khiến làn gió mang vẻ đáng yêu, hồn nhiên của trẻ nhỏ.  **Bài tập 5**  Điệp ngữ trong đoạn thơ là các từ ngữ như: ***“rất”, “Từ cái...”, “Từ...”***được ***lặp đi lặp lại*** nhằm mục đích liệt kê những hình ảnhphong phú trong lời ru của mẹ, **nhấn mạnh vẻ đẹp của những hình ảnh** ấy. Lời ru kết thành những giá trị cao quý nhất trong kho tàng văn hóa dân tộc. Thấm đượm trong lời ru của mẹ là tình cảm thiết tha, là trí tuệ, tâm hồn người Việt. Vì vậy nó trở thành nguồn dinh dưỡng quý giá nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ. |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học thực hiện yêu cầu

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV tổ chức trò chơi:* ***TIẾP SỨC ĐỒNG ĐỘI***

**YÊU CẦU**: chia lớp thành 2 đội, tìm những từ trong và ngoài văn bản có cấu tạo giống từ «trần trụi, bế bồng» (hai từ đồng nghĩa, có các tiếng giống nhau, nhưng trật tự từ khác nhau)

**🡪 Gợi ý**: *thơ ngây, đau khổ, ngại ngần, yêu thương, thương cảm, quần áo, cười nói, xóm làng, đau đớn ...*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Ngày soạn: ....../...../.....**

**Ngày dạy: ....../...../......**

**TIẾT.....: MÂY VÀ SÓNG**

*Ta-go*

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

 - HS nhận biết được nét độc đáo về hình thức (từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ,…) và nội dung (đề tài, chủ đề, tình cảm, cảm xúc,…) của bài thơ.

- HS nhận biết và nêu được tác dụng của một số biện pháp tu từ có trong văn bản

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực ngôn ngữ: Nhận biết nét độc đáo về hình thức (từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ,…) của bài thơ

- Năng lực văn học: Nhận biết nét độc đáo về nội dung (đề tài, chủ đề, tình cảm, cảm xúc,…) của bài thơ.

**3. Phẩm chất:**

- Biết trân trọng tình cảm mẹ con sâu nặng, xúc động

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức hoạt động **Góc sẻ chia:** Hãy nhớ lại những trò chơi với mẹ hoặc người thân trong gia đình khi con nhỏ và chia sẻ với bạn bè về cảm xúc của mình khi chơi những trò chơi đó.

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *Vừa rồi chúng ta đã cùng nhau lắng nghe chia sẻ của các bạn về những trò chơi với mẹ và những người thân trong gia đình khi còn nhỏ. Trong thơ ca, có một em bé đã từ chối chơi những trò chơi kì thú, bay bổng để được cùng mẹ chơi trò chơi mà riêng em sáng tạo ra. Chúng ta hãy cùng tìm hiểu bài học ngày hôm nay để thấy được tình mẹ con sâu nặng, xúc động qua bài thơ “Mây và sóng”.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được kiến thức cơ bản về nhà thơ Ta-go và tác phẩm Mây và sóng

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: Đọc văn bản**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:Theo em, chúng ta nên đọc văn bản với giọng như thế nào? Cần chú ý điều gì khi chúng ta đọc bài?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức    **Thao tác 2: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Nêu những hiểu biết về tác giả Ta-go và xuất xứ tác phẩm “Mây và sóng”  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  **Yêu cầu:**  Đọc thành tiếng văn bản “Mây và sóng” theo phân vai:  1 HS đóng vai em bé  1 HS đóng vai mây  1 HS đóng vai sóng  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Ra-bin-đờ-ra-nát Ta-go (1861-1941) tại Ấn Độ.  - Ta-go là một danh nhân văn hóa vĩ đại, một thiên tài nhiều mặt của Ấn Độ và thế giới.  - Ta-go là một nhà thơ hiện đại lớn nhất của nền văn học Ấn Độ.  - Thơ Ta-go thể hiện tinh thần dân tộc, dân chủ sâu sắc, tinh thần nhân văn cao cả và chất trữ tình triết lí nồng đượm.  **b. Tác phẩm**  - Xuất xứ: Tác phẩm “Mây và sóng” được viết bằng tiếng Ben-gan, in trong tập “Trẻ thơ” xuất bản năm 1909, sau đó dịch ra tiếng Anh, in trong tập “Trăng non”, xuất bản 1915 |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nêu được đặc trưng của bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả

- Tìm được những chi tiết, hình ảnh về lời mời gọi của những người trên mây và trong sóng

- Cảm nhận được tình mẫu tử thiêng liêng qua lời từ chối của em bé và trò chơi mà em bé tạo ra

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS tìm hiểu những đặc trưng của bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá. | **II. Khám phá văn bản**  **1. Đặc trưng của bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả**   |  |  | | --- | --- | | **Thể thơ** | Thơ văn xuôi (tự do). Không quy định số câu trong một bài, số tiếng trong một dòng thơ không bằng nhau. | | **Vần, nhịp** | Không gieo vần/ Nhịp không thống nhất | | **PTBĐ** | Biểu cảm kết hợp tự sự, miêu tả | | **Người kể chuyện** | Em bé | | **Sự việc chính** | - Người “trên mây” rủ em bé đi chơi, em bé hỏi cách nào để đến đó, sau khi họ trả lời thì em bé từ chối họ, em bé nghĩ ra trò chơi cùng với mẹ, em với mẹ hóa thân làm mây, làm trăng.  - Người “trong sóng” rủ em bé đi chơi, em bé hỏi cách nào để đến đó, sau khi họ trả lời thì em bé từ chối họ, em bé nghĩ ra trò chơi cùng với mẹ, em với mẹ hóa thân làm sóng, làm bến bờ kì lạ. | | **Bố cục** | + Phần 1: Từ đầu đến “bầu trời xanh thẳm” 🡪 Em bé kể cho mẹ nghe về cuộc trò chuyện với những người “trên mây”  + Phần 2: còn lại 🡪 Em bé kể cho mẹ nghe về cuộc trò chuyện với những người “trong sóng” | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV phát phiếu học tập  Thảo luận nhóm  - Cuộc vui chơi của những người “trên mây” và “trong sóng” hấp dẫn ở chỗ nào?  - Thời gian: 5 phút  **Phiếu học tập**    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc nhóm, thảo luận  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá. | **2. Lời mời gọi của những người ”trên mây” và ”trong sóng”.**  - Tiếng gọi của những người “trên mây” và “trong sóng”  + “Bọn tớ chơi từ khi thức dậy cho đến lúc chiều tà. Bọn tớ chơi với bình minh vàng, bọn tớ chơi với vầng trăng bạc”.  + “Bọn tớ ca hát từ sáng sớm cho đến hoàng hôn. Bọn tớ ngao du nơi này nơi nọ mà không biết từng đến nơi nao”.  - Thế giới của những người sống “trên mây”:  Rực rỡ, lung linh, huyền ảo  (ánh sáng mặt trời vàng buổi bình minh, ánh sáng vầng trăng bạc khi đêm về)  - Thế giới của những người sống “trong sóng”: Vui vẻ và hạnh phúc (chỉ có ca hát và rong chơi khắp chốn từ khi thức dậy cho đến chiều tà).  🡺 Xa xôi, cao rộng, rực rỡ sắc màu, chứa đựng biết bao điều bí ẩn  - Tâm trạng của em bé:  Em bé hỏi cách đến với họ:  Nhưng làm thế nào mình lên đó được?”  Nhưng làm thế nào mình ra ngoài đó được?”  🡺 Tâm trạng háo hức, thiết tha, tò mò, muốn khám phá thế giới thần tiên, được vui với những trò thú vị, hấp dẫn  🡺 Miêu tả tinh tế tâm lí trẻ thơ  - Cách thức đến với thế giới của mây và sóng  + Họ đáp: “Hãy đến nơi tận cùng Trái Đất, đưa tay lên trời, cậu sẽ được nhấc bổng lên tận tầng mây”  + Họ nói: “Hãy đến rìa biển cả, nhắm nghiền mắt lại, cậu sẽ được làn sóng nâng đi”  🡺 Cách thức đơn giản, mơ mộng  🡺 Thế giới của những người “trên mây” và “trong sóng”  - Xa xôi, cao rộng, rực rỡ sắc màu, chứa đựng biết bao điều bí ẩn, hấp dẫn, gợi những khát khao được khám phá, được ngao du ở những xứ sở xa xôi  - Cách thức đến với thế giới ấy rất đơn giản và mơ mộng |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Trước sự hấp dẫn của những người “trên mây” và “trong sóng”, em bé đã phản ứng ra sao?  Hs tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trả lời  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.  GV đặt câu hỏi: Tại sao em bé không tham gia những cuộc vui chơi đó.  HS phát hiện, trả lời.  GV liên hệ làm thế nào để vượt qua những cám dỗ trong cuộc sống? | **3. Lời từ chối của em bé**  **\*Em bé băn khoăn:**  - Nhưng làm thế nào mình lên đó được  - Nhưng làm thế nào mình ra ngoài đó được?  🡪 Em bé vừa có những khao khát khám phá thế giới bên ngoài, vừa muốn ở nhà với mẹ  🡺 Miêu tả tinh tế tâm lí trẻ thơ  **\* Lời từ chối của em bé:**  - Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?  - Làm sao có thể rời mẹ mà đi được?  🡺 Em bé không tham gia vì không muốn rời xa mẹ, không muốn mẹ phải lo buồn, điều này thể hiện tình thương yêu của em bé. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Em bé đã tạo ra trò chơi nào?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  **GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi (thời gian 2 phút):** Theo em, vì sao những trò chơi do em bé tạo ra lại “thú vị” và “hay hơn”?  **HS phát hiện, trả lời:** Những trò chơi do em bé tạo ra “thú vị” và “hay hơn” vì không chỉ có “mây” (vì chính em đã là mây) mà còn có “trăng” (hiện thân của mẹ), không chỉ được vui đùa như với những người sống “trên mây” mà còn được cùng sống dưới một “mái nhà” – nơi đó em được ôm ấp, được tiếp nhận ánh sáng dịu dàng từ mẹ; em không chỉ có “sóng” (vì chính em đã là sóng) mào òn có “bến bờ kì lạ” (hiện thân của mẹ), bến bờ bao dung, luôn rộng mở đón em. Như vậy, không những em không phải “rời mẹ” mà còn được “lăn, lăn mãi rồi sẽ cười vang vỡ tan vào lòng mẹ”. Tình thương yêu mẹ đã thắng lời mời gọi hấp dẫn của những người “trên mây” và “trong sóng”  **GV đặt câu hỏi:** Những hình ảnh thiên nhiên được nhắc tới trong các trò chơi của em bé có đặc điểm như thế nào? Qua đó, nhà thơ muốn thể hiện điều gì?  **HS phát hiện, trả lời:** - Những hình ảnh thiên nhiên được nhắc tới trong các trò chơi của em bé vô cùng thơ mộng. Những hình ảnh đó được em bé tưởng tượng ra nên càng đẹp đẽ, lung linh, kì ảo. Song, chúng cũng rất chân thực và hài hòa với nhau.  - Qua đó, nhà thơ muốn nhấn mạnh trí tưởng tượng phong phú và sự ngây thơ, hồn nhiên nhưng không kém phần sâu sắc của em bé.  **GV đặt câu hỏi:** Theo em, qua bài thơ, tác giả muốn gửi đến người đọc thông điệp gì?  **HS suy nghĩ, trả lời:**  - Ca ngợi tình mẹ con  - Con người trong cuộc sống vẫn thường gặp những cám dỗ. Muốn khước từ chúng cần có những điểm tựa vững chắc (trong đó có tình mẫu tử)  - Trí tưởng tượng của tuổi thơ vô cùng phong phú, nhưng hạnh phúc không phải là điều gì xa xôi, bí ẩn, do ai đó ban cho mà ở ngay trên trần thế và do chính con người tạo nên.  - Mối quan hệ giữa tình yêu và sự sáng tạo. | **4. Trò chơi do em bé tạo ra**  \*Hai trò chơi:  - Con là mây, mẹ là trăng, con lấy hai tay ôm lấy mẹ  - Con là sóng, mẹ là bờ biển, con sẽ lăn, lăn, lăn và cười tan vào lòng mẹ  🡺 Trò chơi vừa thỏa ước mong làm mây, làm sóng lại vừa được quấn quýt bên mẹ  🡺 Nhấn mạnh trí tưởng tượng phong phú và sự ngây thơ, hồn nhiên nhưng không kém phần sâu sắc của em bé. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Thơ văn xuôi, có lời kể xen đối thoại;  - Sử dụng phép lặp, nhưng có sự biến hóa và phát triển;  - Xây dựng hình ảnh thiên nhiên giàu ý nghĩa tượng trưng.  **2. Nội dung**  Bài thơ thể hiện tình yêu thiết tha của em bé đối với mẹ, ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt. Qua đó, ta cũng thấy được tình cảm yêu mến thiết tha với trẻ em của nhà thơ, với thiên nhiên, cuộc đời bình dị. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức trò chơi: **LUCKY STAR**

**1. Bài thơ «Mây và sóng» là lời của ai nói với ai?**

🡪 Lời của con nói với mẹ

2. **Chủ đề của bài thơ «Mây và sóng» là gì?**

🡪 Tình mẫu tử thiêng liêng

**3. Bài thơ được thể hiện bằng hình thức ngôn ngữ nào?**

🡪 Đối thoại

**4. Hình ảnh mây và sóng biểu tượng cho điều gì?**

🡪 Những thú vui lôi cuốn, hấp dẫn của cuộc sống

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

1. GV tổ chức cho HS thực hiện hoạt động: **Tranh tài hùng biện**

**Vấn đề**: Có bạn học sinh cho rằng: Em bé trong câu chuyện khi quyết định ở nhà với mẹ đã đánh mất cơ hội được chơi những trò chơi vui cùng bạn bè và không nên làm như thế. Ý kiến của em thế nào?

Mỗi HS chuẩn bị trong 2 phút và cùng tranh tài hùng biện theo cặp (gọi ngẫu nhiên)

2. **GV yêu cầu**: Hãy tưởng tượng em là người đang trò chuyện với mây và sóng. Viết đoạn văn (5 – 7 câu) về cuộc trò chuyện ấy.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Ngày soạn: ....../...../.....**

**Ngày dạy: ....../...../......**

**TIẾT.....: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ trong các ví dụ cụ thể;

- Ôn tập, củng cố lại kiến thức về biện pháp tu từ điệp ngữ, công dụng của dấu ngoặc kép (đánh dấu từ ngữ, đoạn dẫn trực tiếp), đại từ nhân xưng đã được học ở Tiểu học thông qua một số bài tập nhận diện và phân tích.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực nhận diện và phân tích các biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ.

- Phân tích được công dụng của dấu ngoặc kép, đại từ nhân xưng.

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV tổ chức GAME SHOW: TRUY TÌM TỤC NGỮ**

+ Giấy rách phải giữ lấy lề

+ Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng

+ Có công mài sắt, có ngày nên kim

+ Ăn quả nhớ kẻ trồng cây

**GV dẫn dắt vào bài học mới***: Các câu tục ngữ mà chúng ta vừ truy tìm được đều liên quan đến BPTT ẩn dụ. Có thể nói, cùng với so sánh, nhân hóa, điệp ngữ thì ẩn dụ là biện pháp tu từ in sâu vào nếp nghĩ, nếp nói của người dân Việt Nam. Vậy ẩn dụ là gì, có tác dụng gì, bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu nhé!*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:** Tìm hiểu kiến thức về ẩn dụ, dấu câu và đại từ

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - **Thao tác 1:** GV yêu cầu HS phân tích ví dụ và từ đó rút ra kiến thức về ẩn dụ  **- Thao tác 2:** GV yêu cầu HS hoàn thành **bài tập nhanh**  **Cô giáo nhận xét rằng tớ đã để sai vị trí của các dấu câu. Các bạn chỉnh sửa lại giúp mình nhé!**  *“Chú bé bước vào đầu chú. Đội chiếc mũ sắt dưới chân. Đi đôi giày da trên trán. Lấm tấm mồ hôi.”*  🡪 “Chú bé bước vào. Đầu chú đội chiếc mũ sắt. Dưới chân đi đôi giày da. Trên trán lấm tấm mồ hôi.”  - **Thao tác 3**: GV yêu cầu HS phân tích ví dụ và từ đó rút ra kiến thức về đại từ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Hình thành kiến thức**  **1. Ẩn dụ**  Ngày ngày **mặt trời (1)** đi qua trên lăng  Thấy một **mặt trời (2)** trong lăng rất đỏ  **- mặt trời (1) 🡪 Nghĩa thông thường**, chỉ mặt trời của tự nhiên  **- mặt trời (2) 🡪 Nghĩa chuyển đổi**: chỉ Bác Hồ  🡪 Bác Hồ là ánh sáng, đem đến sự sống cho dân tộc  **🡺 ẨN DỤ**  - Ẩn dụ là biện pháp tu từ **gọi tên sự vật hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác** có nét tương đồng với nó, nhằm làm **tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.**  **2. Dấu câu**  - Là phương tiện ngữ pháp dung trong chữ viết, có tác dụng làm rõ trên mặt văn bản một cấu tạo ngữ pháp bằng cách chỉ ra ranh giới các câu, giữa các thành phần của câu  - Là phương tiện để biểu thị những sắc thái về nghĩa của câu, về tư tưởng, tình cảm, thái độ của người viết  - **Tác dụng**: người đọc hiểu rõ hơn, nhanh hơn, tránh gây hiểu nhầm  - Hiện nay, tiếng Việt sử dụng 11 dấu câu  **\* Dấu ngoặc kép**  - Dùng để đánh dấu tên tài liệu, sách, báo dẫn trong câu  - Trích dẫn lời nói được thuật lại theo lối trực tiếp  - Đóng khung tên riêng tác phẩm, một từ hoặc một cụm từ cần chú ý, hay biểu thị một nghĩa đặc biệt  - Trong một số trường hợp thường đứng sau dấu hai chấm  **3. Đại từ**  – “Lan đi du học. Mọi người đều nhớ nó.”  Từ “nó” sử dụng trong câu là để chỉ người, và đảm nhiệm vai trò bổ ngữ cho động từ “nhớ” đi liền trước nó.  – “Tập thể dục là hoạt động thể chất của cơ thể. Nó giúp ta rèn luyện sức khỏe tốt”.  Từ “nó” là để chỉ hành động, và đảm nhiệm vai trò chủ ngữ trong câu  - Đại từ là từ dùng để **trỏ người, sự vật, hoạt động, tính chất**…được nói đến trong một tình huống nhất định của lời nói, hoặc dùng để hỏi.  - Đại từ có thể đảm nhiệm các vai trò ngữ pháp: **chủ ngữ, vị ngữ** trong câu, hay **phụ ngữ của danh từ, động từ, tính từ**     |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Ngôi thứ nhất** | **Ngôi thứ 3** | | **Số ít** | Tôi, tao, tớ, ta… | Nó, hắn, y, cô ấy, anh ấy… | | **Số nhiều** | Chúng tôi, chúng ta, bọn tớ… | Bọn họ, bọn hắn, bọn chúng, chúng nó… | |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập 1,3,4,5,6  - GV chia 3 nhóm hoàn thành bài tập 2  **+ Nhóm 1**: Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong hình ảnh "bình minh vàng"  **+ Nhóm 2**: Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong hình ảnh "vầng trăng bạc" .  + **Nhóm 3:** Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài tập 1**  Hình ảnh ẩn dụ trong bài thơ Mây và sóng  - “Mây” và “sóng” ẩn dụ cho thiên nhiên tươi đẹp, thơ mộng, hấp dẫn.  - “Mây” và “sóng” : mở ra thể giới xa xôi, huyền bí.  - “Mây” và “sóng” : tượng trưng cho những cám dỗ ở đời.  **Bài tập 2**  - **Bình minh vàng:** Không gian đẹp, tràn ngập ánh sáng rực rỡ, như dát vàng  🡺 Sự quý giá của mỗi khoảnh khắc thời gian  - **Vầng trăng bạc**: Không gian rộng, tràn ngập ánh sang của vầng trăng  🡺 Vầng trăng được mĩ lệ hóa, lấp lánh như chiếc đĩa bạc  🡺 BPTT ẨN DỤ  Tác dụng:  + Gợi không gian thiên nhiên rực rỡ, lấp lánh ánh sáng, màu sắc rực rỡ  + Khơi dậy tình yêu thiên nhiên và sự trân trọng mỗi khoảnh khắc quý giá của cuộc sống  **Bài tập 3**  **BPTT điệp ngữ***: Con lăn, lăn, lăn mãi rồi sẽ cười vang vỡ tan vào lòng mẹ.*  + Hình ảnh tả thực: hành động em bé sà vào lòng mẹ nhiều lần.  + Hình ảnh biểu tượng: những con sóng nối tiếp nhau, đuổi theo nhau lan xa trên mặt đại dương bao la rôi vỗ vào bờ cát  🡪 Em bé vô tư, hồn nhiên, tinh nghịch chơi bên người mẹ hiền từ, dịu dàng, âu yếm che chở cho con  🡪 Tạo nhịp điệu cho câu thơ  **Bài tập 4**  - Lời dẫn trực tiếp trong bài thơ Mây và sóng là lời của em bé, của những người trên *“trên mây”* và những người *“trong sóng”.*  **🡺 Dấu câu được dùng để đánh dấu lời dẫn trực tiếp là dấu ngoặc kép**  **Bài tập 5**  **- Đại từ** nhân xưng ngôi **thứ nhất số nhiều** là từ **Bọn tớ.** Đại từ này dùng để chỉ những người *ở “trên mây”* và *“trong sóng”*  **Bài tập 6**  - Trong tiếng Việt, ngoài "bọn tớ" còn một số đại từ nhân xưng khác cũng thuộc ngôi thứ nhất số nhiều như "chúng ta", "chúng tôi", "bọn mình", "chúng tớ".  - Dùng từ "bọn tớ" trong bản dịch là hay và tinh tế nhất. Nó thể hiện rõ đối tượng, chủ thể trong mỗi cuộc trò chuyện với cậu bé là những người "trên mây" và "trong sóng". |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học thực hiện yêu cầu

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV giao nhiệm vụ:* ***So sánh để nhận biết sự khác nhau giữa hai nhóm đại từ:***

**Nhóm 1:** Chúng tôi, chúng tớ, chúng tao, bọn tớ, bọn tao.

**Nhóm 2:** Chúng ta, chúng mình, bọn mình.

Gợi ý:

**Nhóm 1:** Chúng tôi, chúng tớ, chúng tao, bọn tớ, bọn tao.

**🡺 Chỉ người nói không gộp người nghe.**

**Nhóm 2:** Chúng ta, chúng mình, bọn mình.

**🡺 Chỉ người nói có ý gộp cả người nghe, người đối thoại**

**Chú ý:** *Đôi khi chúng mình, bọn mình* được dùng như nhóm 1.

**So sánh:** Hôm nay, bọn tớ học môn ngữ văn (1).

Hôm nay, chúng ta học môn ngữ văn (2).

Với câu (1) người nói chỉ nói đến mình và người khác cùng học môn ngữ văn. Với câu (2) người nói có ý nói đến mình và cả đến người nghe.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Ngày soạn: ....../...../.....**

**Ngày dạy: ....../...../......**

**TIẾT.....: BỨC TRANH CỦA EM GÁI TÔI**

*Tạ Duy Anh*

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- HS cần nắm vững nội dung ý nghĩa của truyện, nghệ thuật kể chuyện và miêu tả tâm lí nhân vật của tác giả.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v…

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Bức tranh của em gái tôi*;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Bức tranh của em gái tôi*;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Giúp HS rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, yêu thương gia đình, cuộc sống.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV tổ chức hoạt động GÓC CHIA SẺ**

- Em hãy kể ngắn gọn về anh/chị/em ruột (hoặc anh/chị/em nuôi, anh/chị/em họ mà em yêu quý.

**Gợi ý:** tên, tuổi, ngoại hình, tính cách nổi bật của người đó và lí do vì sao em yêu quý họ.

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *...........................*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: đọc- chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV gọi 2 HS đọc và HS dưới lớp nhận xét dựa trên Bảng kiểm kĩ năng đọc truyện ngắn**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **có** | **không** | | Đọc trôi chảy, không bỏ từ, thêm từ |  |  | | Ngắt giọng phù hợp |  |  | | Giọng đọc chậm rãi, nhẹ nhàng |  |  | | Thể hiện được cảm xúc sâu lắng của nhân vật |  |  |   - GV giải thích một số từ khó.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS theo dõi sgk  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá  **Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - **GV yêu cầu HS**: Đọc phần tiểu dẫn SGK, nêu hiểu biết của mình về tác giả Tạ Duy Anh và tác phẩm **“Bức tranh của em gái tôi”**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **I. Đọc- Tìm hiểu chung**  **1. Đọc- chú thích**  a. Đọc  b. Chú thích  **- Lục lọi**: Tìm kĩ lưỡng, tỉ mỉ mọi chỗ, mọi nơi  **- Nhọ nồi**: Bụi đen bám ở đáy và xung quanh nồi, chảo…khi người ta đun bằng củi, than, rơm, rạ…  **- Bại lộ**: Vỡ lở, không giấu giếm được nữa. Ở đây ý nói việc tranh vẽ của bé Mèo được mọi người phát hiện ra.  **- Mừng quýnh**: Mừng quá đến mức cuống quýt  **- Thiên tài**: Tài năng nổi bật, hơn hẳn mọi người, dường như là được trời phú cho  **- Thẩm định**: Xem xét nhằm đánh giá để xác định, quyết định.  **- Xét nét**: Để ý từng cái nhỏ nhặt để đánh giá, nhận xét con người. Ở đây là chú ý, quan sát quá kĩ.  **- Nhập tâm**: Nhớ rất rõ, rất kĩ, như khắc sâu trong lòng  **- Sững**: Ở vào trạng thái bất động, đơ người trong giây lát  **- Thôi miên**: Tác động vào tâm lí của một người nào đó., gây ra trạng thái tựa như ngủ, dễ dàng chịu sự điều khiển của mình.  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả:** - **Tên khai sinh**: Tạ Việt Đãng, sinh năm 1959  - **Bút danh khác**: Lão Tạ, Chu Qúy, Bình Tâm  - **Quê** : Chương Mỹ, Hà Tây (nay là Hà Nội)  - Là **cây bút trẻ** trong thời kì **đổi mới**  - **Sáng tác tiêu biểu**: *Bước qua lời nguyền, Giã biệt bóng tối, Lão khổ, Đi tìm nhân vật…*  **b. Tác phẩm**  **- Xuất xứ:** In trong tập “Bản nhạc con đà điểu”, 2016  **- Thể loại**: Truyện ngắn  **- PTBĐ**: Tự sự + miêu tả + biểu cảm  **- Ngôi kể**: Ngôi thứ nhất- người anh kể chuyện 🡪 Tâm trạng nhân vật được thể hiện tự nhiên, sinh động và giúp câu chuyện chân thực, đáng tin cậy  **- Nhân vật chính**: Kiều Phương và người anh (nhân vật trung tâm)  **- Cốt truyện:**  **+ Mở đầu:** Giới thiệu về Kiều Phương  **+ Thắt nút:** Tài năng hội họa của Kiều Phương được phát hiện  **+ Phát triển**: Người anh ghen ghét, đố kị với em gái  **+ Mở nút:** Bức vẽ “Anh trai tôi” của Kiều Phương đạt giải  **+ Kết thúc:** Anh hiểu được tâm hồn, tình cảm của em gái  **- Bố cục**  + **Phần 1** (từ đầu đến “phát huy tài năng”): Tài năng của em gái được mọi người phát hiện.  + **Phần 2** (tiếp đó đến “anh cùng đi nhận giải”): Lòng ghen tị và mặc cảm của người anh.  + **Phần 3** (còn lại): Tâm trạng, cảm xúc của người anh khi đứng trước bức tranh của em gái. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Phân tích được:

- Nhân vật Kiều Phương

- Nhân vật người anh

- Thông điệp của văn bản

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV yêu cầu HS đọc văn bản và tìm hiểu về nhân vật Kiều Phương dựa trên các ý chính sau:**  + Ngoại hình, tính cách  + Sở thích  + Tình cảm dành cho gia đình, mọi người  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **1. Nhân vật Kiều Phương**  **a. Ngoại hình, tính cách**  - Tên là Kiều Phương  - Anh đặt cho biệt hiệu là Mèo bởi vì khuôn mặt luôn bị chính nó bôi bẩn.  - Dùng tên Mèo để xưng hô với bạn thật vui vẻ  - Hay lục lọi các đồ vật  **🡺 Hồn nhiên vô tư trong sáng, hiếu động, dễ thương.**  **b. Sở thích**  - Em tự chế thuốc vẽ bằng những vật liệu có sẵn trong nhà từ các xoong nồi, bí mật vẽ tranh.  - Mọi thứ trong nhà đều được đưa vào tranh: cái bát cám lợn; con mèo vằn….  🡺 Yêu thích vẽ, say mê nghệ thuật, có năng khiếu hội họa, đáng khâm phục.  **c. Tình cảm dành cho gia đình, mọi người**  - Vui vẻ chấp nhận biệt hiệu “Mèo” anh tặng.  - Dễ thân với bé Quỳnh, chú Tiến Lê ( họa sĩ)  - Bị anh mắng vô cớ cũng không khóc hay cãi lại.  - Đi thi vẽ tranh - vẽ về anh trai với tất cả tình yêu thương anh.  - Được giải, hồ hởi ôm cổ anh chia vui.  **🡺 Vui vẻ, sống cởi mở, chan hòa với mọi người**  **Nghệ thuật:**  - Quan sát tinh tế, lựa chọn hình ảnh tiêu biểu.  - Sử dụng ngôn ngữ trong sáng, dễ hiểu. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV chia nhóm và yêu cầu HS hoàn thành Phiếu học tập**    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận nhóm và thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.  **GV đặt câu hỏi thêm**: Theo em, nhân vật người anh đáng được trách hay đáng được tha thứ? Vì sao?  **Gợi ý:**  + Người anh đáng trách nhưng cũng đáng cảm thông vì tính xấu, ghen tị chỉ là nhất thời  + Người anh đã hối hận, day dứt, nhận ra tâm hồn trong sáng của người em và hiểu tính đố kị, ghen ghét của bản thân là xấu | **2. Nhân vật người anh**  **a, Trong cuộc sống hàng ngày**  - Tặng em biệt hiện là “Mèo” vì em hay lục lọi đồ và hay nghịch bẩn  **🡪 Coi thường, bực bội, khó chịu với em**  - Bí mật theo dõi việc làm của em  - Ngạc nhiên khi thấy em chế tạo thuốc vẽ “Trời ạ! Thì ra nó chế thuốc vẽ”  **🡺 Xem thường, khó chịu, cho đây là trò nghịch ngợm của trẻ con**  b, **Khi phát hiện** tài năng hội họa của em  - Cảm thấy mình bất tài  - Chẳng tìm thấy ở mình một năng khiếu gì cả.  - Không thể thân với “Mèo” như trước được nữa  🡺 Thất vọng, buồn chán, thiếu tự tin, mặc cảm  **c. Khi xem trộm bức tranh của em**  - Gục đầu muốn khóc  - Lén xem tranh của em gái…thở dài…  - Hay gắt gỏng với em, đẩy em ra.  🡪 Buồn bã, thất vọng, ghen tị  - Cái mặt lem nhem như chọc tức tôi.  - Tôi thấy khó chịu  - Khi đạt giải, Kiều Phương ôm cổ tôi, tôi đẩy nó ra  🡺 Xa lánh em, đố kị với em.  **d. Khi đứng trước bức chân dung của mình do em gái vẽ**  **\* Thái độ của người anh**  **- Giật sững**: Giật mình và sững sờ  **- Ngỡ ngàng**: Ngạc nhiên vì không ngờ em gái lại vẽ mình trong bức tranh dự thi, coi mình là người thân nhất  **- Hãnh diện**: Thấy mình hiện ra trong bức tranh thật đẹp và hoàn hảo  **- Xấu hổ**: Tự nhận ra thói xấu của bản thân (ích kỉ, đố kị, ghen tị, nhỏ nhen), trong khi em gái vẫn coi mình là người thân yêu nhất  **- Trước khi phát hiện tài năng hội họa của em:** Coi thường em, coi việc làm của em chỉ là đồ trẻ con  **- Khi phát hiện tài năng hội họa của em:** Mặc cảm, tự ti  🡪 Đố kị  **- Khi đứng trước bức tranh của người em:** Giật sững người- ngỡ ngàng- hãnh diện- xấu hổ- muốn khóc  **🡺** Sự thay đổi một cách phù hợp  🡺 Nghệ thuật miêu tả tâm lí chân thực, tinh tế của tác giả |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn**: Theo em, thông điệp nào được tác giả Tạ Duy Anh gửi gắm qua văn bản?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  **GV đặt câu hỏi mở rộng**: Từ các văn bản “Chuyện cổ tích về loài người”, “Mây và sóng”, “Bức tranh của em gái tôi”, em nhận thấy điều gì là quan trọng nhất có thể gắn kết các thành viên trong gia đình?  **Gợi ý:**  - Mọi thành viên trong gia đình luôn yêu thương, chia sẻ, gắn kết với nhau.  - Sự gắn kết đó phải ở cả hai phía, trao đi và nhận lại.  - Tôn trọng sự khác biệt, biết gạt bỏ những cảm xúc ghen ghét, đố kị, trân trọng những điểm mạnh của các thành viên, động viên cổ vũ cho người thân để họ có điều kiện phát triển bản thân... | **3. Thông điệp của văn bản**  - Ghen ghét, đố kị trước tài năng hay thành công của người khác là tính xấu  - Cần vượt qua mặc cảm, tự ti để có sự trân trọng, thành công, và có niềm vui thực sự chân thành trước những thành công của người khác.  - Tình cảm trong sáng, nhân hậu có thể giúp con người vượt kên trên bản thân và hoàn thiện mình |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc, ngôn ngữ độc thoại nội tâm.  - Cách kể chuyện tự nhiên, hấp dẫn.  - Ngôi kể thứ nhất tạo điều kiện cho nhân vật bộc lộ diễn biến tâm lí tự nhiên, chân thực.  **2. Nội dung**  - Truyện cho thấy tình cảm trong sáng, hồn nhiên, tấm lòng nhân hậu của em gái đã giúp người anh nhận ra sự hạn chế của chính mình.  - Truyện có ý nghĩa giáo dục sâu sắc, đặc biệt với lứa tuổi học sinh phải biết vượt lên sự hạn chế của bản thân để hướng tới điều hoàn thiện về nhân cách |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV tổ chức trò chơi “ĐÀO ĐÁ MỞ ĐƯỜNG”**

**1. Nhân vật chính trong truyện «Bức tranh của em gái tôi» là ai?**

A. Người anh

B. Người em

**C. Người anh và người em**

D. Bé Quỳnh

**2. Truyện «Bức tranh của em gái tôi» sử dụng lời kể của ai?**

A. Người em- xưng ngôi

B. Lời người dẫn chuyện- ngôi 2

**C. Người anh- ngôi thứ nhất**

D. Lời tác giả- ngôi thứ 3

**3. Dòng nào diễn tả đúng thái độ của người anh khi em gái tự chế màu vẽ?**

A. Bực bội, khó chịu vì em gái hay lục lọi

**B. Lấy làm lạ, bí mật theo dõi em**

C. Khó chịu, ngăn cản không cho em nghịch

D. Cáu gắt, cho là người em đang nghịch ngợm

**4. Khi tài năng của người em được phát hiện, người anh có thái độ ra sao?**

**A. Buồn bã, khó chịu, gắt gỏng, không còn thân với em như trước nữa**

B. Vui mừng vì em có tài

C. Chê bai, không thèm quan tâm bức tranh của em

D. Ghét bỏ, luôn luôn mắng em vô cớ

**5. Đâu là trình tự diễn biến tâm trạng của người anh khi xem bức tranh em gái vẽ mình?**

A. Hãnh diện, xấu hổ, ngỡ ngàng

B. Hãnh diện, tự hào, xấu hổ, ngỡ ngàng

**C. Giật sững, ngỡ ngàng, hãnh diện, xấu hổ**

D. Ngạc nhiên, xấu hổ, hãnh diện

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV tổ chức BÀI TẬP TÌNH HUỐNG**

**Tình huống 1**: Nếu em có một khả năng đặc biệt nào đó so với mọi người xung quanh, em sẽ làm gì để được mọi người yêu quý

**Tình huống 2**: Em có một người bạn thân mà em nhận thấy bạn ấy thông minh, giỏi giang hơn em và được mọi người công nhận. Em sẽ làm gì để em và bạn vẫn thân thiết với nhâu.

**Tình huống 3**: Nếu em thấy một người bạn của mình đang tự ti và bạn ấy không nhanh nhẹn được như người khác, em sẽ khuyên bạn điều gì?

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Ngày soạn: ....../...../.....**

**Ngày dạy: ....../...../......**

**Tiết….: VIẾT**

**VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ CÓ YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- HS biết viết bài văn đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập ý; viết đoạn văn; chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

- HS viết được đoạn văn nêu cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả, đảm bảo bố cục và số lượng câu đúng quy định.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đưa ra câu hỏi:* ***Em hãy nêu lại hình thức trình bày của đoạn văn?***

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:..................................***

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**2.1. Tìm hiểu yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố miêu tả, tự sự**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu của đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố miêu tả, tự sự

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Gv đặt câu hỏi:** Theo em, một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố miêu tả, tự sự cần đáp ứng những yêu cầu gì?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS dựa vào SHS để trình bày các yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trả lời trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố miêu tả, tự sự**  - Giới thiệu được nhan đề bài thơ và tên tác giả.  - Thể hiện được cảm xúc chung về bài thơ  - Chỉ ra được nét độc đáo trong cách tự sự và miêu tả của nhà thơ  - Nêu được các chi tiết mang tính tự sự và miêu tả trong bài thơ, đánh giá được ý nghĩa của chúng trong việc thể hiện tình cảm cảm xúc của nhà thơ |

**2.2 Phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:**Phân tích bài viết tham khảo “Cảm xúc khi đọc bài thơ Mây và sóng của Ta-go”

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập**: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV tổ chức hoạt động LỰA CHỌN GÓI CÂU HỎI VÀ TRẢ LỜI**    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **II. Phân tích bài viết tham khảo**  **Mở đoạn**  - Giới thiệu nhan đề bài thơ, tên tác giả, và nêu cảm xúc chung của người viết: xúc động trước tình mẹ con thiêng liêng bất diệt.  **Thân đoạn**  - Từ ngữ thể hiện được cảm xúc của người viết: **xúc động** trước tình mẹ con, **đồng cảm** với tình yêu mẹ thiết tha, cảm nhận thấm thía hơn, **cảm động** về tình mẹ con...  **- Người viết đã nêu và đánh giá ý nghĩa của các chi tiết mang tính tự sự và miêu tả trong bài thơ như:** Lời kể của em bé về lời mời mọc của người trên mây, dưới sóng; lời từ chối, lí do từ chối của em bé; hình ảnh miêu tả trò chơi em sáng tạo ra...  - **Nét độc đáo trong cách tự sự và miêu tả của nhà thơ**: Giọng thơ tâm tình trò truyện thủ thỉ; câu đáp lại của em bé chứa đựng tâm trạng ...; cấu trúc lặp đi lặp lại vừa biến hóa.  **Kết đoạn**  - Khái quát cảm xúc chung của người viết về bài thơ trong hình thức kể chuyện độc đáo: niềm hạnh phúc ngọt ngào khi được sống trong vòng tay êm ấm, yêu thương của mẹ. |

**2.3. Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc.  - Hướng dẫn HS lựa chọn đề tài.  - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, tìm ý cho bài viết theo Phiếu học tập sau:    GV đặt câu hỏi:  + Theo em, dàn ý của bài viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả gồm mấy phần, đó là những phần nào?  + Theo em, khi viết bài em cần lưu ý những gì?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **III. Thực hành viết theo các bước**  **1. Trước khi viết**  a. Lựa chọn đề tài  Bài thơ được chọn phải là:  +Bài thơ có yếu tố kể chuyện (xuất hiện câu chuyện, nhân vật, dù nhân vật chỉ mang một cái tên chung chung).  + Có các chi tiết miêu tả bối cảnh không gian, thời gian, con người…  Ví dụ: *Mây và sóng; Chuyện cổ tích về loài người…*  b. Tìm ý (theo mẫu phiếu học tập)    c. Lập dàn ý  **Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của đoạn văn, gồm:**  - Mở đoạn: Giới thiệu nhan đề bài thơ, tên tác giả, và nêu cảm xúc chung của người viết.  - Thân đoạn:  + Nêu ấn tượng, cảm xúc của em về câu chuyện được kể và các chi tiết miêu tả có trong bài thơ.  + Làm rõ nghệ thuật kể chuyện và miêu tả của tác giả.  + Đánh giá tác dụng của việc kể lại câu chuyện kết hợp với các chi tiết miêu tả trong bài thơ.  - Kết đoạn: Nêu khái quát điều mà em tâm đắc về bài thơ.  **2. Viết bài**  Khi viết, em cần lưu ý:  + Bám sát dàn ý để viết đoạn  + Thể hiện được cảm xúc chân thành của em về nội dung và hình thức trữ tình độc đáo của bài thơ.  + Trình bày đúng hình thức của đoạn văn: viết lùi đầu dòng từ đầu tiên của đoạn văn, chữ cái đầu của từ đó phải viết hoa, kết thúc đoạn văn bằng một dấu chấm câu. Các câu trong đoạn văn cần tập trung làm rõ vấn đề chính, giữa các câu có sự liên kết, đoạn văn có dung lượng khoảng 7-10 câu  **3. Chỉnh sửa bài viết**  Chỉnh sửa bài viết dựa theo mẫu phiếu sau: |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*-* ***GV yêu cầu HS làm đề bài sau****:* Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em về bài thơ (hoặc khổ thơ yêu thích) «Chuyện cổ tích về loài người» (Xuân Quỳnh)

**Gợi ý:**

+ Câu chuyện tưởng tượng về sự xuất hiện của loài người trong vũ trụ.

+ Mỗi sự bắt nguồn trên thế giới đều bắt nguồn từ sự sinh ra của trẻ con.

+ Bài thơ là nơi nhà thơ gửi gắm tình cảm yêu thương trẻ con- những thiên thần đáng yêu.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Đoạn văn tham khảo**

Nhan đề “Chuyện cổ tích về loài người” của Xuân Quỳnh đã gợi nhắc cho người đọc nhớ về những câu chuyện cổ tích mà bà thường kể về một thời đại xa xưa ngày trước. Khi đọc tác phẩm, người đọc cảm thấy cách lý giải nguồn gốc loài người của tác giả thật thú vị. Dưới hình thức một bài thơ, nhưng tác phẩm lại giàu tính tự sự, giống như một câu chuyện được kể lại theo trình tự thời gian. Trước hết tác giả khẳng định trời sinh ra trước tiên là trẻ em. Sau đó, để trẻ em có được một môi trường sống thật tốt, mới có sự ra đời của những sự vật khác trên trái đất. Ở đây, nhà thơ đã sử dụng những hình ảnh miêu tả sinh động để giúp người đọc hiểu hơn về sự ra đời của thiên nhiên. Kế tiếp là sự ra đời của mẹ giúp trẻ em cần có tình yêu thương, sự chăm sóc. Bà được sinh ra để giáo dục trẻ em về những giá trị truyền thống, đạo đức tốt đẹp. Còn bố được sinh ra để dạy trẻ em thêm hiểu biết, trưởng thành. Cuối cùng trường lớp là nơi trẻ em đến để học tập, vui chơi còn thấy giáo là người dạy dỗ trẻ em ở đó. Có thể khẳng định, với bài thơ này, Xuân Quỳnh muốn gửi gắm tình yêu thương của Xuân Quỳnh dành cho trẻ em.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*

+ HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý chỉnh sửa

+ Làm việc nhóm, đọc bài và góp ý cho nhau nghe, chỉnh sửa bài nhau theo mẫu

**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**Ngày soạn: ....../...../.....**

**Ngày dạy: ....../...../......**

**TIẾT …..: NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG GIA ĐÌNH**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- Biết cách trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình sao cho hấp dẫn và thuyết phục, biết lắng nghe các ý kiến nhận xét, phản hồi từ phía người nghe

- Biết chú ý lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

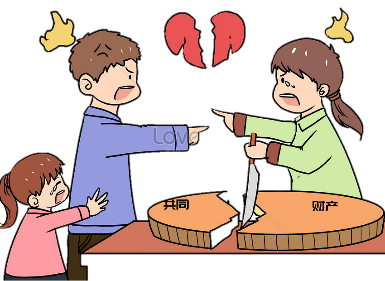
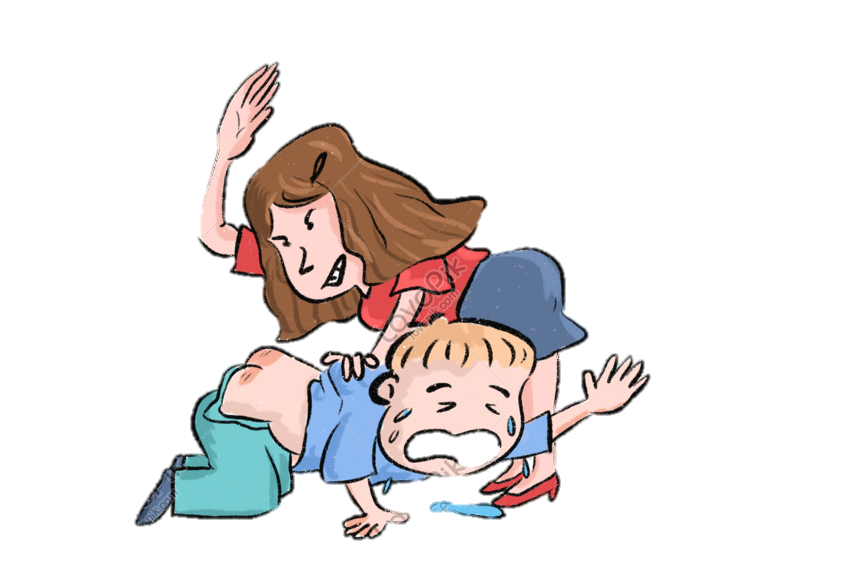
**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b.Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*-* **GV chiếu 3 hình ảnh và đặt câu hỏi gợi dẫn:** Em có suy nghĩ gì về những bức hình sau:



*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*

*-* ***GV dẫn vào bài học:*** *.......................................................*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**2.1. Trước khi nói**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học  - Các nhóm luyện nói.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. TRƯỚC KHI NÓI**  **1. Chuẩn bị nội dung**  - Lựa chọn một đề tài phù hợp  - Chuẩn bị tranh ảnh, bài hát...để minh họa cho bài nói.  - Ghi ra giấy những ý quan trọng và sắp xếp theo trật tự phù hợp  **2. Tập luyện**  - Tập luyện một mình  - Trình bày trước bạn bè, người thân  - Chọn cách nói tự nhiên, gần gũi với kiểu tâm tình, chia sẻ, giãi bày |

**2.2. Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu đề bài:  Ví dụ: “***Những việc cần làm để gia đình trở thành một tổ ấm yêu thương”***  *- GV yêu cầu HS đọc đề bài, tiến hành tìm ý và lập dàn ý*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  HS báo cáo sản phầm  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **II. TRÌNH BÀY BÀI NÓI**  **1. Mở đầu**  **- Chào hỏi, giới thiệu vấn đề**  **Ví dụ:** Những việc cần làm để gia đình trở thành một tổ ấm yêu thương.  Xin chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là... Học lớp... Trường... Sau đây tôi xin phép được trình bày một vấn đề trong đời sống gia đình. Gia đình có vai trò rất quan trọng đối với con người. Vậy đâu là những yếu tố, những việc làm để gia đình trở thành một tổ ấm yêu thương?  **2. Triển khai**  - Nêu các biểu hiện cụ thể của vấn đề.  - Nêu tác động của vấn đề đối với bản thân, với mọi người.  - Trình bày mong muốn và cách em đã làm để giải quyết vấn đề.  **3. Kết thúc**  **- Phát biểu suy nghĩ của em, lời cảm ơn**  **Ví dụ:** Những việc cần làm để gia đình trở thành một tổ ấm yêu thương.  Trên đây là ý kiến của cá nhân tôi trong vấn đề: «Những việc cần làm để gia đình trở thành một tổ ấm yêu thương». Tôi mong rằng, qua bài chia sẻ của mình, các bạn sẽ thêm yêu quý, trân trọng và yêu thương gia đình của mình. Mong muốn hơn nữa rằng các bạn sẽ hiểu được những tâm tư, tình cảm, nỗi khổ của bậc làm cha mẹ để từ đó thấu hiểu và giúp gia đình trở thành một tổ ấm yêu thương. Tôi xin cảm ơn các bạn và thầy cô đã lắng nghe. |

**2.3. Sau khi nói**

**a. Mục tiêu:** Học sinh biết trao đổi, nhận xét về nội dung của bài nói

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS trao đổi sau khi nói  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **III. SAU KHI NÓI**   |  |  | | --- | --- | | **Người nghe** | **Người nói** | | - Chia sẻ và nêu cảm nhận về phần trình bày của bạn với thái độ chân thành, tôn trọng.  - Có thể trao đổi về:  + Nội dung bài nói (chủ đề, đề tài...)  + Cách trình bày (ngôn ngữ, giọng điệu, cử chỉ...) | - Tiếp thu những góp ý xác đáng, cầu thị của người nghe  - Trao đổi về những điều nghe chưa rõ. Trả lời câu hỏi của người nghe (nếu có) | |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Học sinh thực hiện bài nói trên lớp.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài nói

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV yêu cầu HS thực hành bài nói với đề bài sau:** “*Những việc cần làm để gia đình trở thành một tổ ấm yêu thương”*

Trong quá trình bạn nói trình bày, GV yêu cầu HS hoàn thành **“Phiếu hướng dẫn khi nghe”** sau đó đánh giá bài nói theo mẫu **“Phiếu đánh giá”**

**Bài nói tham khảo**

Xin chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là... Học lớp... Trường... Sau đây tôi xin phép được trình bày một vấn đề trong đời sống gia đình Không có gì quý trọng hơn gia đình. Đó là tổ ấm yêu thương cần được vun đắp mỗi ngày. Vậy mỗi thành viên cần làm gì để gia đình có thể trở thành tổ ấm yêu thương?

Gia đình chính là tế bào của xã hội, là nơi nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách con người. Bởi vậy nếu gia đình luôn yêu thương, đầm ấm thì sẽ tạo ra những thành viên tích cực. Họ sẽ biết chia sẻ buồn vui cùng nhau, giúp đỡ nhau vượt qua khó khăn và bảo vệ nhau trong cuộc sống. Đặc biệt, trong cuộc sống, người trưởng thành sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn, chông gai. Nhưng nếu có gia đình luôn đứng phía sau động viên, khích lệ thì sẽ có được nguồn động lực to lớn để vượt qua.

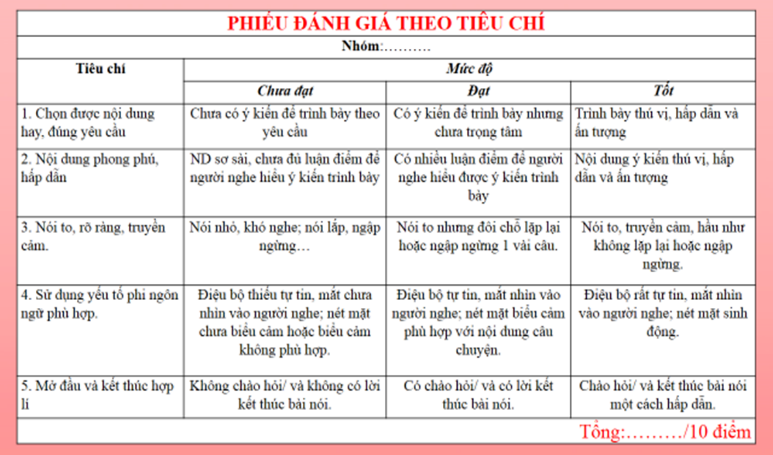
Tình cảm gia đình là thứ thiêng liêng nhất không gì có thể sánh được. Của cải, vật chất là những thứ có thể mua được, nhưng những tình cảm gia đình thì thật sự là vô giá. Nhưng để có một gia đình bình yên, hạnh phúc phải đến từ sự cố gắng của các thành viên trong gia đình.

Về phía người lớn, cha mẹ phải là tấm gương để con cái học tập, noi theo. Từ hành vi rất nhỏ trong cuộc sống hằng ngày đến cách đối nhân xử thế. Nhiều nghiên cứu cho rằng, con cái chính là tấm gương phản chiếu của cha mẹ. Bởi vậy ngoài việc dạy dỗ con cái những điều đúng đắn, cha mẹ cần phải chú ý hành vi của bản thân.

Bên cạnh đó, người lớn cũng cần học cách trở thành một người bạn của con. Điều đó có nghĩa là cha mẹ sẽ cùng chia sẻ với con những vấn đề hằng ngày, lắng nghe con tâm sự và có thể đưa ra những lời khuyên hay lời động viên đúng lúc.

Về phía con cái thì cần biết vâng lời, lễ phép và học tập những đức tính tốt đẹp của cha mẹ. Khi gặp phải vấn đề khó khăn trong cuộc sống, con cái nên chia sẻ với cha mẹ để có thể nhận được sự thấu hiểu, hay nhận được lời khuyên đúng đắn. Đối với anh chị em trong một gia đình cần sống hòa thiện, nhường nhịn, chia sẻ và giúp đỡ nhau. Có đôi khi, tình yêu thương lại xuất phát từ những hành động vô cùng nhỏ bé. Đó có thể là cả gia đình cùng nhau ăn một bữa cơm, lời nhắc nhở người cha người mẹ mặc ấm, cùng chụp chung một tấm ảnh vào năm mới… Tuy nhỏ bé nhưng lại đem đến sự ấm áp vô cùng.

Trong một bộ phim truyền hình nổi tiếng của Việt Nam, một nhân vật đã khẳng định: “Gia đình là thứ tồn tại duy nhất. Những thứ khác có hay không, không quan trọng”. Câu nói này đã cho thấy tầm quan trọng trong cuộc sống. Mỗi người cần phải biết quý trọng gia đình. Mỗi thành viên trong gia đình hãy cùng nhau xây dựng một tổ ấm hạnh phúc. Tôi mong rằng, qua bài chia sẻ của mình, các bạn sẽ thêm yêu quý, trân trọng và yêu thương gia đình của mình. Mong muốn hơn nữa rằng các bạn sẽ hiểu được những tâm tư, tình cảm, nỗi khổ của bậc làm cha mẹ để từ đó thấu hiểu và giúp gia đình trở thành một tổ ấm yêu thương. Tôi xin cảm ơn các bạn và thầy cô đã lắng nghe.



**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV tổ chức hoạt động : “****DỰ ÁN GIA ĐÌNH YÊU THƯƠNG****”*

Xây dựng video/ clip với chủ đề: gia đình yêu thương

HS quay một clip ngắn: chia sẻ những câu chuyện về gia đình mình, có lời chia sẻ của các thành viên trong gia đình mình.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 5: Củng cố- mở rộng**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

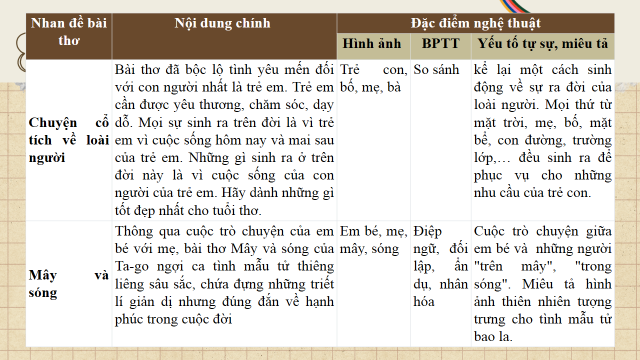
**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức*

**Bài tập 1.** Hãy kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền thông tin về đặc điểm của các bài thơ đã học trong bài Gõ cửa trái tim.



**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**